

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 9 năm 2018



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 9 năm 2018



Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	19 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 53

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có bốn trăm bảy mươi một (471) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên	
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Luân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Đinh Việt Duy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Quyền Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch	
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018
Ông Trần Quốc Trí	Tổng Giám Đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 2 năm 2018

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng kèm theo, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc



The stamp is a red circular seal with the text "CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOA SEN" in the center. Around the perimeter, it reads "M.S.D. 3700381324 - T.X. D. T. BÌNH DƯƠNG". A blue ink signature is written across the stamp.

Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2018

Số tham chiếu: 61183992/20242753

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 12 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 53, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 12 năm 2018 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2018-004-1



Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2014-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.985.778.871.754	12.089.458.871.636
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	171.659.888.989	239.918.988.521
111	1. Tiền		171.516.367.114	239.775.466.646
112	2. Các khoản tương đương tiền		143.521.875	143.521.875
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		270.387.032	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		270.387.032	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		7.860.565.817.787	5.038.295.013.388
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	7.163.248.999.755	3.975.438.722.818
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	184.158.011.340	204.686.775.767
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	3.660.295.900	25.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	515.431.702.357	837.573.117.368
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(5.933.191.565)	(4.803.602.565)
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.787.890.736.309	5.428.029.021.406
141	1. Hàng tồn kho		1.806.472.903.289	5.450.815.683.238
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(18.582.166.980)	(22.786.661.832)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.165.392.041.637	1.383.215.848.321
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	75.749.637.153	74.422.775.292
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	1.063.819.898.124	1.308.779.396.886
153	3. Thuế phải thu của Nhà nước	16	25.822.506.360	13.676.143

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.257.822.222.584	5.043.205.602.817
210	I. Phải thu dài hạn		268.984.943.607	74.974.967.200
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	66.686.721.457	74.974.967.200
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	202.298.222.150	-
220	II. Tài sản cố định		1.961.681.186.678	2.746.644.774.699
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.591.695.704.971	2.463.196.998.804
222	Nguyên giá		3.260.932.231.963	4.566.370.722.477
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.669.236.526.992)	(2.103.173.723.673)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	81.263.218.413	24.855.221.380
225	Nguyên giá		98.947.748.174	39.019.437.785
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(17.684.529.761)	(14.164.216.405)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	288.722.263.294	258.592.554.515
228	Nguyên giá		320.066.755.310	281.826.289.976
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(31.344.492.016)	(23.233.735.461)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		28.307.339.690	247.666.367.726
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	28.307.339.690	247.666.367.726
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	2.769.445.646.684	1.724.245.102.467
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	2.677.776.000.000	1.633.276.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	43.515.000.000	80.302.178.134
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(13.445.353.316)	(35.933.075.667)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14	61.600.000.000	46.600.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		229.403.105.925	249.674.390.725
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	207.352.425.398	216.697.658.464
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	22.050.680.527	32.976.732.261
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		16.243.601.094.338	17.132.664.474.453

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.859.529.755.393	11.827.724.468.499
310	I. Nợ ngắn hạn		10.785.335.064.915	11.587.819.028.669
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.111.659.624.255	3.415.707.867.150
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	199.065.234.433	357.924.180.945
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	49.437.391.726	146.954.619.391
314	4. Phải trả người lao động		63.430.563.768	80.555.222.032
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	117.856.182.101	62.825.939.966
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	191.432.011.486	60.239.346.258
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	9.010.977.033.379	7.402.317.620.460
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		41.477.023.767	61.294.232.467
330	II. Nợ dài hạn		74.194.690.478	239.905.439.830
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	71.352.839.728	237.114.284.830
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		2.841.850.750	2.791.155.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.384.071.338.945	5.304.940.005.954
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	5.384.071.338.945	5.304.940.005.954
411	1. Vốn cổ phần		3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.849.903.280.000	3.499.966.830.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		151.583.183.521	151.583.183.521
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.343.000.000)	-
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		60.509.750.556	34.535.741.195
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.323.418.124.868	1.618.854.251.238
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		818.143.985.703	265.082.554.604
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		505.274.139.165	1.353.771.696.634
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		16.243.601.094.338	17.132.664.474.453


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	59.977.961.162.366	47.077.679.965.050
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(113.760.574.901)	(179.072.251.662)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	59.864.200.587.465	46.898.607.713.388
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(57.061.310.696.192)	(43.680.064.063.459)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.802.889.891.273	3.218.543.649.929
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	539.309.325.068	601.781.666.924
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	(614.816.857.761) (458.729.805.247)	(420.377.177.127) (317.503.841.647)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(1.493.660.136.661)	(1.235.820.173.529)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(711.802.548.326)	(639.173.453.876)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		521.919.673.593	1.524.954.512.321
31	11. Thu nhập khác	25	52.932.603.565	73.096.842.741
32	12. Chi phí khác		(1.114.182.751)	(3.244.149.612)
40	13. Lợi nhuận khác		51.818.420.814	69.852.693.129
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		573.738.094.407	1.594.807.205.450
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(57.537.903.508)	(209.600.199.457)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(10.926.051.734)	(31.435.309.359)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		505.274.139.165	1.353.771.696.634


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng


Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018


VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		573.738.094.407	1.594.807.205.450
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	322.385.755.534	408.968.204.482
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(25.511.932.453)	18.796.915.536
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23	47.305.340.201	7.111.244.819
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(486.088.302.864)	(572.462.153.161)
06	Chi phí lãi vay	23	458.729.805.247	317.503.841.647
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		890.558.760.072	1.774.725.258.773
09	Tăng các khoản phải thu		(2.360.829.298.260)	(2.700.787.407.363)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		3.644.342.779.949	(2.268.358.611.679)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(2.314.955.937.226)	1.919.983.405.482
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		8.018.371.205	(88.508.540.606)
14	Tiền lãi vay đã trả		(457.469.733.777)	(309.453.183.836)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(123.097.749.073)	(255.210.120.483)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(94.659.631.874)	(82.041.727.870)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(808.092.438.984)	(2.009.650.927.582)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(267.516.192.217)	(605.945.288.394)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		164.810.675.146	56.619.348.886
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(297.965.882.761)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		116.105.320.725	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(181.954.141.602)	(635.150.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		156.446.681.583	-
27	Tiền lãi đã nhận	21.2	5.427.688.553	2.943.903.852
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(304.645.850.573)	(1.181.532.035.656)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	34.601.710.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(1.343.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		27.036.232.249.782	21.829.974.818.155
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(25.622.600.226.615)	(18.658.018.091.475)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(14.177.118.427)	(20.996.563.609)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	20.2	(350.060.974.500)	(196.362.984.225)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.048.050.930.240	2.989.198.888.846
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		(64.687.359.317)	(201.984.074.392)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		239.918.988.521	447.518.356.022
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.571.740.215)	(5.615.293.109)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	171.659.888.989	239.918.988.521


Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập


Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có bốn trăm bảy mươi mốt (471) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 4.406 (ngày 30 tháng 9 năm 2017: 5.164).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 15 công ty con, như sau:

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định ("HSBD")

HSBD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải & Cơ khí Hoa Sen (“HTME”)

HTME là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong năm hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An (“HSNA”)

HSNA là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNA tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hội, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNA trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNA (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam (“HSHN”)

HSHN là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định (“HSNH”)

HSNH là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNH trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái ("HSYB")

HSYB là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSYB tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB trong năm hiện tại là kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSYB (30 tháng 9 năm 2017: 70%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSRE")

HSRE là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSRE tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSRE trong năm hiện tại là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSRE (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSCC")

HSCC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSCC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSCC trong năm hiện tại là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSCC (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIP")

HSIP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIP tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIP trong năm hiện tại là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIP (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSSP")

HSSP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSSP tọa lạc tại thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSSP trong năm hiện tại là đầu tư cảng sông, cảng biển.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSSP (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIC")

HSIC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIC trong năm hiện tại là sản xuất sắt, thép và gang.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIC (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ ("HSPM")

HSPM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502313442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSPM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSPM trong năm hiện tại là sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSPM (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái ("HSYB-LTD")

HSYB-LTD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200870602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 6 tháng 1 năm 2017. Trụ sở đăng ký của HSYB-LTD tọa lạc tại Thôn Đồng Danh, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB-LTD trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSYB-LTD (30 tháng 9 năm 2017: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 đến ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty nhận chuyển nhượng hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	2 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này. Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí tiền thuê, tiền quảng cáo trả trước;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định ...

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	48.240.229.076	13.538.266.107
Tiền gửi ngân hàng	122.549.584.478	225.389.115.824
Tiền đang chuyển	726.553.560	848.084.715
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	143.521.875
TỔNG CỘNG	<u>171.659.888.989</u>	<u>239.918.988.521</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	5.660.685.579.825	2.892.316.502.137
Các bên khác	1.502.563.419.930	1.083.122.220.681
<i>Abhay Ispat India Pvt. Ltd</i>	184.852.880.289	-
<i>Thyssenkrupp Materials</i>		
<i>Trading Asia Pte. Ltd</i>	156.206.373.060	94.054.987.217
<i>Khác</i>	1.161.504.166.581	989.067.233.464
TỔNG CỘNG	<u>7.163.248.999.755</u>	<u>3.975.438.722.818</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.293.191.565)	(4.063.602.565)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>7.158.955.808.190</u>	<u>3.971.375.120.253</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 28)	144.725.955.368	38.705.908.131
Các bên khác	39.432.055.972	165.980.867.636
<i>Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu</i>	9.189.153.750	11.755.350.255
<i>Khác</i>	30.242.902.222	154.225.517.381
TỔNG CỘNG	<u>184.158.011.340</u>	<u>204.686.775.767</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	515.431.702.357	837.573.117.368
Lợi nhuận được chia từ công ty con	358.392.102.244	547.165.072.432
Tạm ứng để mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Tạm ứng cho nhân viên	27.619.762.719	26.741.318.349
Thanh lý công ty liên kết	15.665.290.474	-
Thu nhập lãi cho vay	6.990.313.620	551.616.708
Đặt cọc	5.713.929.000	138.798.428.600
Bồi thường đắm tàu	-	31.520.000.000
Khác	10.867.077.300	2.613.454.279
Dài hạn	202.298.222.150	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	202.093.222.150	-
Ký quỹ dài hạn	205.000.000	-
TỔNG CỘNG	717.729.924.507	837.573.117.368
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(1.640.000.000)	(740.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	716.089.924.507	836.833.117.368
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	458.001.388.370	639.008.129.274
Các bên khác	258.088.536.137	197.824.988.094

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	734.738.921.821	1.175.209.610.528
Hàng hóa	511.623.580.259	677.488.468.657
Nguyên vật liệu	296.974.292.857	843.767.940.021
Công cụ, dụng cụ	215.430.530.762	224.760.876.405
Hàng mua đang đi đường	47.688.056.628	2.529.588.787.627
Khác	17.520.962	-
TỔNG CỘNG	1.806.472.903.289	5.450.815.683.238
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.582.166.980)	(22.786.661.832)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.787.890.736.309	5.428.029.021.406

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 19*, Công ty đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 9 năm 2018 là 1.229.352.536.487 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	75.749.637.153	74.422.775.292
Chi phí quảng cáo	26.163.164.737	26.925.691.491
Chi phí thuê mặt bằng, nhà xưởng	24.362.401.677	19.734.754.783
Chi phí công cụ, dụng cụ	9.308.630.023	11.418.276.450
Chi phí tư vấn	2.765.970.828	5.022.641.070
Chi phí bảo hiểm	1.679.401.673	1.650.845.702
Khác	11.470.068.215	9.670.565.796
Dài hạn	207.352.425.398	216.697.658.464
Chi phí thuê mặt bằng, nhà xưởng	67.919.903.057	89.433.311.060
Chi phí công cụ, dụng cụ	57.397.992.492	67.552.199.499
Chi phí bảng hiệu quảng cáo	47.986.279.155	25.377.730.855
Chi phí sửa chữa	23.626.356.355	20.638.965.085
Khác	10.421.894.339	13.695.451.965
TỔNG CỘNG	<u>283.102.062.551</u>	<u>291.120.433.756</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.660.295.900	25.400.000.000
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	3.660.295.900	-
Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An	-	25.000.000.000
Bên khác	-	400.000.000
Dài hạn		
Bên liên quan (Thuyết minh số 28) (*)	66.686.721.457	74.974.967.200
TỔNG CỘNG	<u>70.347.017.357</u>	<u>100.374.967.200</u>

(*) Đây là khoản phải thu về cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái, công ty con, có thời hạn đáo hạn vào năm 2020 và hưởng lãi suất 8%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						VND
Số đầu năm	649.108.058.078	3.485.804.694.207	379.532.131.416	32.608.589.505	19.317.249.271	4.566.370.722.477
Mua mới trong năm	3.683.232.440	105.513.066.378	7.948.267.301	24.269.310.636	242.708.351	141.656.585.106
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.853.827.117	271.216.467.210	-	10.042.223.036	-	284.112.517.363
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	13.254.770.658	-	-	-	13.254.770.658
Điều chuyển tài sản qua công ty TNHH MTV Tôn Hoa sen	(150.642.102.617)	(1.399.347.330.074)	-	-	-	(1.549.989.432.691)
Thanh lý, nhượng bán	(7.830.592.579)	(86.729.429.820)	(80.318.935.519)	(19.593.973.032)	-	(194.472.930.950)
Số cuối năm	497.172.422.439	2.389.712.238.559	307.161.463.198	47.326.150.145	19.559.957.622	3.260.932.231.963
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	62.765.798.554	291.743.247.603	14.835.350.358	832.088.307	5.424.985.811	375.601.470.633
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(255.098.098.606)	(1.701.234.349.196)	(120.128.393.742)	(10.500.357.797)	(16.212.524.332)	(2.103.173.723.673)
Khấu hao trong năm	(29.261.121.404)	(228.123.396.877)	(39.113.243.836)	(6.924.854.353)	(1.991.195.848)	(305.413.812.318)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(4.693.380.547)	-	-	-	(4.693.380.547)
Điều chuyển tài sản qua công ty TNHH MTV Tôn Hoa sen	39.869.153.070	631.021.304.541	-	-	-	670.890.457.611
Thanh lý, nhượng bán	6.286.422.372	34.959.944.245	30.592.546.208	1.315.019.110	-	73.153.931.935
Số cuối năm	(238.203.644.568)	(1.268.069.877.834)	(128.649.091.370)	(16.110.193.040)	(18.203.720.180)	(1.669.236.526.992)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	394.009.959.472	1.784.570.345.011	259.403.737.674	22.108.231.708	3.104.724.939	2.463.196.998.804
Số cuối năm	258.968.777.871	1.121.642.360.725	178.512.371.828	31.215.957.105	1.356.237.442	1.591.695.704.971

Trong đó:
Tài sản sử dụng để thế chấp
(Thuyết minh số 19)

99.121.626.108 548.881.874.136 92.872.439.182 -

740.875.939.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND			
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	30.886.346.877	8.133.090.908	-	39.019.437.785
Thuê mới	14.635.857.235	39.910.860.176	18.636.363.636	73.183.081.047
Mua lại tài sản	<u>(13.254.770.658)</u>	-	-	<u>(13.254.770.658)</u>
Số cuối năm	<u>32.267.433.454</u>	<u>48.043.951.084</u>	<u>18.636.363.636</u>	<u>98.947.748.174</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(11.717.212.453)	(2.447.003.952)	-	(14.164.216.405)
Khấu hao trong năm	(4.489.751.537)	(3.514.602.391)	(209.339.975)	(8.213.693.903)
Mua lại tài sản	4.693.380.547	-	-	4.693.380.547
Số cuối năm	<u>(11.513.583.443)</u>	<u>(5.961.606.343)</u>	<u>(209.339.975)</u>	<u>(17.684.529.761)</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>19.169.134.424</u>	<u>5.686.086.956</u>	-	<u>24.855.221.380</u>
Số cuối năm	<u>20.753.850.011</u>	<u>42.082.344.741</u>	<u>18.427.023.661</u>	<u>81.263.218.413</u>

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	280.481.532.265	1.344.757.711	281.826.289.976
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	44.778.337.834	44.778.337.834
Mua mới	718.364.000	-	718.364.000
Thanh lý, nhượng bán	<u>(7.256.236.500)</u>	-	<u>(7.256.236.500)</u>
Số cuối năm	<u>273.943.659.765</u>	<u>46.123.095.545</u>	<u>320.066.755.310</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	456.396.144	1.344.757.711	1.801.153.855
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(21.888.977.750)	(1.344.757.711)	(23.233.735.461)
Hao mòn trong năm	(2.560.821.111)	(6.197.428.202)	(8.758.249.313)
Thanh lý, nhượng bán	647.492.758	-	647.492.758
Số cuối năm	<u>(23.802.306.103)</u>	<u>(7.542.185.913)</u>	<u>(31.344.492.016)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>258.592.554.515</u>	-	<u>258.592.554.515</u>
Số cuối năm	<u>250.141.353.662</u>	<u>38.580.909.632</u>	<u>288.722.263.294</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	100.775.187.505	-	100.775.187.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	23.206.143.020	241.007.879.131
Chi phí xây dựng	1.932.316.670	1.307.543.169
Khác	3.168.880.000	5.350.945.426
TỔNG CỘNG	<u>28.307.339.690</u>	<u>247.666.367.726</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	2.677.776.000.000	1.633.276.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	43.515.000.000	80.302.178.134
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (*)	46.600.000.000	46.600.000.000
Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (**)	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>2.782.891.000.000</u>	<u>1.760.178.178.134</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(13.445.353.316)	(35.933.075.667)
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>2.769.445.646.684</u>	<u>1.724.245.102.467</u>

(*) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1%/ năm.

(**) Trái phiếu tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam có thời hạn mười (10) năm và hưởng lãi suất thả nổi +1,2%/ năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	100	1.100.000.000.000	100	450.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100	420.000.000.000	100	200.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	100	280.000.000.000	100	280.000.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	100	250.000.000.000	100	100.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	100	200.000.000.000	100	200.000.000.000	Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bảng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100	150.000.000.000	100	150.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bảng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	100	105.000.000.000	100	55.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bảng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	70	84.000.000.000	70	84.000.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	100	50.000.000.000	100	50.000.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bảng nhựa và các sản phẩm ống thép

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau (tiếp theo):

Công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	100	16.276.000.000	100	16.276.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100	15.000.000.000	100	15.000.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất sắt, thép và gang
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100	4.000.000.000	100	3.000.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100	3.500.000.000	100	2.500.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư cảng sông, cảng biển
Công ty Cổ phần Hoa Sen Văn Hội	-	-	70	2.800.000.000	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	-	-	100	24.700.000.000	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
TỔNG CỘNG		2.677.776.000.000		1.633.276.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45	27.900.000.000	45	27.900.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng KCN Hoa Sen Du Long	45	15.615.000.000	-	-	Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadep	-	-	45	51.952.178.134	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	-	-	45	450.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(13.445.353.316)		(35.933.075.667)		
GIÁ TRỊ THUẦN		30.069.646.684		44.369.102.467		

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	520.522.315.776	3.034.469.932.339
Trong đó:		
Công ty Formosa Hà Tĩnh	199.152.165.080	-
Hangzhou Cogeneration (HongKong) Co.,LTD	191.161.898.608	645.971.085.812
Arcelormittal International Singapore Private Limited	-	441.107.265.180
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	-	376.715.036.265
Khác	130.208.252.088	1.570.676.545.082
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	591.137.308.479	381.237.934.811
TỔNG CỘNG	1.111.659.624.255	3.415.707.867.150

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	105.456.193.525	133.208.633.634
Các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	93.609.040.908	224.715.547.311
TỔNG CỘNG	199.065.234.433	357.924.180.945

16. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải trả				
Thuế GTGT	104.569.749.540	1.736.447.276.733	(1.793.612.317.259)	47.404.709.014
Thuế thu nhập cá nhân	1.614.292.843	37.087.632.102	(37.097.955.659)	1.603.969.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.767.280.907	57.537.903.508	(97.305.184.415)	-
Thuế xuất khẩu	941.888.393	31.185.621.787	(31.699.370.882)	428.139.298
Các loại thuế khác	61.407.708	1.612.067.307	(1.672.900.887)	574.128
TỔNG CỘNG	146.954.619.391	1.863.870.501.437	(1.961.387.729.102)	49.437.391.726
				VND
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	1.308.779.396.886	922.947.013.065	(1.167.906.511.827)	1.063.819.898.124
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.792.564.658	-	25.792.564.658
Khác	13.676.143	16.265.559	-	29.941.702
TỔNG CỘNG	1.308.793.073.029	948.755.843.282	(1.167.906.511.827)	1.089.642.404.484

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng thuế	36.097.467.662	-
Chi phí vận chuyển	35.712.412.522	-
Thưởng và lương tháng 13	23.755.410.000	36.886.740.000
Chi phí lãi vay	12.021.671.246	10.761.599.776
Chi phí điện	9.412.829.611	9.628.754.210
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	733.191.060	5.322.145.980
Khác	123.200.000	226.700.000
TỔNG CỘNG	117.856.182.101	62.825.939.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ quỹ mở thư tín dụng	136.756.103.216	-
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	25.996.753.725	-
Nhận đặt cọc dự thầu	8.371.520.000	7.076.760.110
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	6.272.088.850	777.656.800
Phải trả cổ tức	4.494.873.425	4.598.464.925
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 28)	2.767.185.492	25.716.800.000
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần Gemadept	-	15.776.367.206
Các khoản phải trả khác	6.773.486.778	6.293.297.217
TỔNG CỘNG	<u>191.432.011.486</u>	<u>60.239.346.258</u>

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9.010.977.033.379	7.402.317.620.460
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	8.748.119.898.344	7.204.366.078.759
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	174.491.250.325	193.321.275.085
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 19.2, 28)	53.000.000.000	-
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.4)	35.365.884.710	4.630.266.616
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	71.352.839.728	237.114.284.830
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	55.596.689.280	234.156.032.907
Nợ dài hạn thuê tài chính (Thuyết minh số 19.4)	15.756.150.448	2.958.251.923
TỔNG CỘNG	<u>9.082.329.873.107</u>	<u>7.639.431.905.290</u>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	VND
	Năm nay
Số đầu năm	7.639.431.905.290
Tiền thu từ đi vay	26.978.521.614.736
Nợ thuê tài chính phát sinh	57.710.635.046
Tiền chi trả nợ gốc vay	(25.622.600.226.615)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	(14.177.118.427)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	43.443.063.077
Số cuối năm	<u>9.082.329.873.107</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất</i> <i>(%/năm)</i>	<i>Hình thức</i> <i>đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	2.111.233.891.694	Từ ngày 15 tháng 11 năm 2018 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019	5,5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	1.186.079.616.308	Từ ngày 28 tháng 11 năm 2018 đến ngày 21 tháng 1 năm 2019	Từ 2,7 đến 2,9	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	966.390.647.671	Từ ngày 10 tháng 10 năm 2018 đến ngày 20 tháng 2 năm 2019	Từ 5,3 đến 5,9	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	691.858.095.360	Từ ngày 15 tháng 10 năm 2018 đến ngày 5 tháng 12 năm 2018	Từ 2,7 đến 3	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 2				
Vay VND	1.098.415.797.951	Từ ngày 2 tháng 11 năm 2018 đến ngày 14 tháng 3 năm 2019	Từ 5,5 đến 5,85	Nợ phải thu
Vay USD	408.466.309.431	Từ ngày 26 tháng 11 năm 2018 đến ngày 19 tháng 12 năm 2018	Từ 3,5 đến 3,9	Nợ phải thu
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)				
Vay VND	1.035.502.713.540	Từ ngày 8 tháng 10 năm 2018 đến ngày 22 tháng 1 năm 2019	Từ 4,5 đến 4,8	Hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh				
Vay VND	390.501.383.564	Từ ngày 23 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 1 năm 2019	Từ 5,5 đến 5,9	Tín chấp
Vay USD	85.035.839.658	Từ ngày 21 tháng 11 năm 2018 đến ngày 31 tháng 11 năm 2018	2,9	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Phát Triển TP.HCM				
Vay USD	148.320.106.584	Ngày 19 tháng 12 năm 2018 đến ngày 2 tháng 1 năm 2019	3,2	Tín chấp
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh				
Vay VND	135.900.000.000	Từ ngày 20 tháng 11 năm 2018 đến ngày 3 tháng 12 năm 2018	5	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam				
Vay VND	134.418.629.258	Ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 20 tháng 12 năm 2018	Từ 4,2 đến 4,5	Hàng tồn kho
Ngân hàng Sumitomo Mitsu - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh				
Vay VND	125.000.000.000	Ngày 30 tháng 11 năm 2018 đến ngày 7 tháng 2 năm 2019	5,6	Hàng tồn kho
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)				
Vay VND	108.024.412.792	Từ ngày 5 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 11 năm 2018	Từ 5,2 đến 6,5	Quyền sử dụng đất và hàng tồn kho
Ngân Hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương				
Vay USD	105.972.454.533	Từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 10 năm 2018	3	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh				
Vay VND	17.000.000.000	Ngày 22 tháng 10 năm 2018	5,61	Máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	<u>8.748.119.898.344</u>			

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn				
Vay VND	53.000.000.000	Ngày 10 tháng 10 năm 2018	5	Tín chấp

19.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	135.924.771.861	Ngày 16 tháng 7 năm 2019	9	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	72.094.315.280	Ngày 7 tháng 2 năm 2022	8	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận				
Vay VND	9.396.578.000	Từ ngày 6 tháng 1 năm 2020 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	8,7	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VND	9.291.229.500	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2019 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	9	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	3.381.044.964	Ngày 7 tháng 1 năm 2019	8	Phương tiện vận tải
TỔNG CỘNG	<u>230.087.939.605</u>			

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	174.491.250.325
Vay dài hạn	55.596.689.280

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.4 Nợ thuế tài chính

Chi tiết các khoản nợ thuế tài chính như sau:

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	
Nợ thuế tài chính ngắn hạn Dưới 1 năm	38.305.086.689	2.939.201.979	5.059.482.950	429.216.334	4.630.266.616
Nợ thuế tài chính dài hạn Trên 1 - 5 năm	16.708.824.489	952.674.041	3.050.680.643	92.428.720	2.958.251.923
TỔNG CỘNG	55.013.911.178	3.891.876.020	8.110.163.593	521.645.054	7.588.518.539

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Năm trước					
Số đầu năm	1.965.398.290.000	551.571.933.521	6.784.575.670	1.753.131.906.267	4.276.886.705.458
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.353.771.696.634	1.353.771.696.634
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	1.099.978.080.000	-	-	(1.099.978.080.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	(196.539.829.000)	(196.539.829.000)
Tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần (**)	399.988.750.000	(399.988.750.000)	-	-	-
Tăng từ phát hành cổ phiếu có chọn lựa cho người lao động (*)	34.601.710.000	-	-	-	34.601.710.000
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(60.167.737.724)	(60.167.737.724)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	80.063.704.939	(80.063.704.939)	-
Thường hoàn thành kế hoạch (***)	-	-	-	(51.300.000.000)	(51.300.000.000)
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	(52.312.539.414)	-	(52.312.539.414)
Số cuối năm	3.499.966.830.000	151.583.183.521	34.535.741.195	1.618.854.251.238	5.304.940.005.954

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị có liên quan đã thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành này vào ngày 12 tháng 4 năm 2017 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành là 3.460.171 cổ phiếu giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu, và tổng giá trị 34.601.710.000 VND. Công ty cũng đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 20 tháng 4 năm 2017 cập nhật việc tăng vốn này.

(**) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2017 ngày 6 tháng 1 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 38/NQ/HĐQT/2017 ngày 3 tháng 5 năm 2017 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 100:75 (phát hành 75 cổ phiếu mới cho mỗi 100 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ) và kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành này vào ngày 8 tháng 6 năm 2017 với tổng số cổ phiếu được phát hành là 149.996.683 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 1.499.966.830.000 VND. Công ty đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 29 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 6 năm 2017 cập nhật việc tăng vốn này.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2016 ngày 18 tháng 1 năm 2016, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức thưởng hoàn thành kế hoạch là 4% lợi nhuận sau thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay						VND
Số đầu năm	3.499.966.830.000	151.583.183.521	-	34.535.741.195	1.618.854.251.238	5.304.940.005.954
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	505.274.139.165	505.274.139.165
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	349.936.450.000	-	-	-	(349.936.450.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(349.957.383.000)	(349.957.383.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.343.000.000)	-	-	(1.343.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(53.266.556.487)	(53.266.556.487)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	47.549.876.048	(47.549.876.048)	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	(21.575.866.687)	-	(21.575.866.687)
Số cuối năm	3.849.903.280.000	151.583.183.521	(1.343.000.000)	60.509.750.556	1.323.418.124.868	5.384.071.338.945

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2018 ngày 16 tháng 1 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/NQ/HĐQT/2018 ngày 6 tháng 2 năm 2018 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:1 (phát hành 1 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành này vào ngày 18 tháng 6 năm 2018 với tổng số cổ phiếu được phát hành là 34.993.645 cổ phiếu, giá phát hành theo mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu, tổng giá trị là 349.936.450.000 VND. Công ty đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 7 năm 2018 cập nhật việc tăng vốn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	3.499.966.830.000	1.965.398.290.000
Tăng trong năm	349.936.450.000	1.534.568.540.000
Số cuối năm	<u>3.849.903.280.000</u>	<u>3.499.966.830.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	699.893.833.000	1.296.517.909.000
Cổ tức đã trả	699.997.424.500	1.296.341.064.225

20.3 Vốn cổ phần

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	384.990.328	349.996.683
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	134.300	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	384.856.028	349.996.683

Các cổ phiếu đã phát hành của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng doanh thu	59.977.961.162.366	47.077.679.965.050
<i>Trong đó:</i>		
Hàng hóa	40.327.474.385.158	28.936.150.602.420
Thành phẩm	19.610.603.182.865	17.915.937.715.175
Khác	39.883.594.343	225.591.647.455
Các khoản giảm trừ doanh thu	(113.760.574.901)	(179.072.251.662)
<i>Trong đó:</i>		
Chiết khấu thương mại	(91.463.945.910)	(168.048.151.825)
Hàng bán bị trả lại	(18.018.812.564)	(9.423.827.040)
Giảm giá hàng bán	(4.277.816.427)	(1.600.272.797)
DOANH THU THUẦN	59.864.200.587.465	46.898.607.713.388
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên khác	25.526.544.445.715	21.135.214.803.228
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	34.337.656.141.750	25.763.392.910.160

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận được chia	358.392.102.244	547.165.072.432
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư tài chính	102.139.227.474	2.483.309.967
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	66.882.399.885	51.672.690.640
Thu nhập từ lãi tiền gửi, đầu tư khác	11.895.595.465	460.593.885
TỔNG CỘNG	539.309.325.068	601.781.666.924

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Năm trước
Thành phẩm	18.021.956.769.108	15.751.202.412.685
Hàng hóa	39.027.616.532.190	27.779.529.536.731
Khác	11.737.394.894	149.332.114.043
TỔNG CỘNG	57.061.310.696.192	43.680.064.063.459

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	458.729.805.247	317.503.841.647
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	129.354.124.623	86.778.821.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	47.305.340.201	7.111.244.819
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(22.487.722.351)	8.983.268.917
Khác	1.915.310.041	-
TỔNG CỘNG	<u>614.816.857.761</u>	<u>420.377.177.127</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	1.493.660.136.661	1.235.820.173.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	790.640.510.476	593.014.446.591
Chi phí nhân viên	327.536.085.599	292.108.792.713
Chi phí khấu hao và hao mòn	108.714.732.356	72.442.980.982
Chi phí khác	266.768.808.230	278.253.953.243
Chi phí quản lý doanh nghiệp	711.802.548.326	639.173.453.876
Chi phí nhân viên	361.669.045.416	318.188.060.303
Chi phí khấu hao và hao mòn	42.732.423.837	34.910.163.952
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.750.707.573	23.333.620.677
Chi phí khác	277.650.371.500	262.741.608.944
TỔNG CỘNG	<u>2.205.462.684.987</u>	<u>1.874.993.627.405</u>

25. THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền bồi thường	27.904.180.851	46.938.922.223
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	16.148.077.681	22.353.176.877
Khác	8.880.345.033	3.804.743.641
TỔNG CỘNG	<u>52.932.603.565</u>	<u>73.096.842.741</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	16.617.021.783.833	14.997.112.273.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.241.036.775.605	1.095.325.907.080
Chi phí nhân viên	796.124.614.877	730.185.246.256
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	322.385.755.534	408.968.204.482
Chi phí khác	650.150.547.377	836.244.964.815
TỔNG CỘNG	<u>19.626.719.477.226</u>	<u>18.067.836.596.205</u>

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	57.537.903.508	209.236.418.604
Chi phí thuế trích thiếu những năm trước	-	363.780.853
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10.926.051.734	31.435.309.359
TỔNG CỘNG	<u>68.463.955.242</u>	<u>241.035.508.816</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>573.738.094.407</u>	<u>1.594.807.205.450</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	114.747.618.881	318.961.441.090
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ	25.384.617.658	31.143.301.359
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	(71.678.420.449)	(109.433.014.486)
Chi phí thuế trích thiếu những năm trước	-	363.780.853
Khác	10.139.152	-
Chi phí thuế TNDN	<u>68.463.955.242</u>	<u>241.035.508.816</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

27.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động so với năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí trích trước	12.107.935.853	14.347.792.714	(2.239.856.861)	(23.151.166.468)
Các khoản dự phòng	7.592.142.372	13.610.183.079	(6.018.040.707)	3.759.383.106
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	714.348.043	1.135.161.780	(420.813.737)	1.067.043.023
Lợi nhuận chưa thực hiện	582.741.890	2.302.446.294	(1.719.704.404)	(10.050.438.250)
Khác	1.053.512.369	1.581.148.394	(527.636.025)	(3.060.130.770)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>22.050.680.527</u>	<u>32.976.732.261</u>		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			<u>(10.926.051.734)</u>	<u>(31.435.309.359)</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Chi hộ	14.995.785.607.702 13.779.143.441.900 152.580.172.648	14.901.254.604.796 13.643.025.632.712 166.530.762.965	
		Lợi nhuận được chia	34.568.169.073	76.653.509.042	
		Bán tài sản	9.138.455.859	-	
		Điều chuyển tài sản	879.098.975.080	-	
		Thu nhập khác	4.783.074.700	-	
		Trả hàng mua	2.510.365.445	-	
		Hàng bán bị trả lại	1.980.258.020	-	
		Mua khí	80.969.500	8.213.145.624	
		Mua tài sản cố định	-	1.436.070.000	
		Cho thuê tài sản	-	139.296.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng	4.827.327.999.833 3.715.489.723.137	3.618.783.885.490 3.260.772.053.282	
		Lợi nhuận được chia	144.875.735.339	205.519.465.050	
		Hàng bán bị trả lại	1.329.668.691	397.974.795	
		Mua tài sản cố định	136.202.200	-	
		Phí thuê	100.000.010	-	
		Cho thuê tài sản	88.409.095	678.545.460	
		Bán tài sản cố định	87.000.000	200.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi phí vận chuyển Cho thuê tài sản	48.534.481.409 7.956.000.000	44.995.715.904 8.565.000.000	
		Lợi nhuận được chia	5.818.027.378	5.895.764.638	
		Phí thuê	607.696.966	-	
		Mua tài sản cố định	100.000.000	-	
		Mua hàng	-	4.611.416.810	
		Khác	401.957.962	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>VND</i>
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Góp vốn Lợi nhuận được chia Hàng mua trả lại Bán tài sản cố định Phí thuê Giảm giá hàng mua Hàng mua khác Cho thuê tài sản	9.626.602.855.004 7.502.469.038.140 650.000.000.000 161.600.175.097 6.407.186.748 5.913.155.809 327.272.724 168.333.118 141.284.700 38.000.000	5.599.890.071.479 4.551.651.709.046 120.000.000.000 224.128.658.740 -	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng Góp vốn Bán hàng Lợi nhuận được chia Bán khác Mua khác	1.082.856.041.149 50.000.000.000 24.251.426.607 11.529.995.357 45.328.337 21.454.414	794.881.373.702 -	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Cho vay Chuyển đổi từ vay sang vốn cổ phần Góp vốn Thu tiền cho vay Hàng mua trả lại Thu nhập lãi vay Hàng bán bị trả lại Bán tài sản cố định Cho thuê tài sản	1.416.755.238.005 1.224.289.168.009 132.500.000.000 119.000.000.000 101.000.000.000 13.500.000.000 1.804.591.517 708.702.055 154.174.786 -	505.020.866.183 145.744.606.172 42.967.623.260 -	
				64.000.000.000 42.967.623.260 -	
				201.781.047 -	
				8.435.500.000 300.000.000	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Mua Hàng Bán hàng Hàng bán bị trả lại Bán tài sản cố định Góp vốn Thu tiền cho vay Cho vay Thu nhập lãi vay Cho thuê tài sản Khác	848.947.136.769 44.779.573.986 86.112.315 2.904.000.000 - - - - 171.000.000 486.410.620	154.761.409.425 11.076.398.202 - - 150.000.000.000 64.852.176.516 64.869.376.516 1.565.011.328 - -
Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	Công ty con	Rút vốn	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Cho vay Thu tiền cho vay Thu nhập lãi vay Góp vốn	84.022.894.522 63.000.000.000 6.103.354.523 -	45.663.826.935 - 551.616.708 78.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Chuyển nhượng vốn Cho vay Góp vốn Thu tiền cho vay Lãi vay	13.585.000.000 12.160.295.900 4.500.000.000 4.000.000.000 335.342.389	- - 24.700.000.000 -
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng Góp vốn Chuyển đổi tiền vay sang vốn cổ phần Mua hàng Cho vay Khác	403.345.547.024 77.281.875.153 72.718.124.847 49.562.550.487 43.406.984.582 2.332.380.193	6.005.111.813 100.000.000.000 - - 29.311.140.265 164.900.884

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	-	15.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	1.000.000.000	2.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Mua hàng Thu tiền cho vay Cho vay Góp vốn Bán hàng Khác	215.951.772.945 10.605.320.725 10.605.320.725 - 1.704.016.764 939.048.113	- - - 50.000.000.000 2.527.910.381 -
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Góp vốn	1.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Công ty liên kết	Vay Chi phí lãi vay Góp vốn	53.000.000.000 1.256.027.397 -	- - 27.450.000.000
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch	Bán hàng Mua hàng Chiết khấu thương mại Bán tài sản cố định Hàng bán bị trả lại Cho thuê tài sản Gia công Bán khác Nhận dịch vụ Khác	4.247.355.470.991 2.131.902.739.532 43.220.427.887 43.093.355.162 40.961.909.490 3.595.809.964 1.828.130.909 1.146.734.978 573.272.555 -	2.245.091.246.176 2.868.716.011.902 49.363.717.493 73.059.929.459 36.386.756.005 - 1.718.377.268 - - 28.255.009.089 -
			509.617.649	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước	VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Chi phí vận chuyển	818.445.193	620.677.877	
Công ty TNHH Hoa Sen Hội Văn	Bên liên quan	Rút vốn	450.000.000	-	
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen - Gemadep	Bên liên quan	Chuyển nhượng vốn Góp vốn	55.624.444.583 3.672.266.449	- -	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	2.274.374.701.634	1.372.719.862.467	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	1.200.868.459.695	666.455.845.353	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Công ty con	Bán hàng	1.307.539.434.530	416.327.068.751	
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	570.934.978.238	423.765.967.282	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng	291.904.280.843	10.215.237.917	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Bán hàng	15.062.949.385	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Bán hàng	-	2.380.875.132	
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch	Bán hàng	775.500	451.645.235	
			5.660.685.579.825	2.892.316.502.137	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>					
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Công ty con	Bán hàng	141.210.746.400	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Trả trước	3.089.692.968	38.705.908.131	38.705.908.131
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Trả trước	425.516.000	-	-
			144.725.955.368	38.705.908.131	
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>					
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Cho vay	3.660.295.900	-	-
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>					
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Cho vay	66.686.721.457	45.663.826.935	45.663.826.935
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Cho vay	-	29.311.140.265	29.311.140.265
			66.686.721.457	74.974.967.200	
<i>Vay ngắn hạn</i>					
Công ty cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	Công ty liên kết	Vay	53.000.000.000	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>					
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Lợi nhuận được chia	161.600.175.097	224.128.658.740	
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	144.875.735.339	205.519.465.050	
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ứng trước tiền mua đất Phải thu tiền bán đất	90.183.227.000 1.367.463.256	90.183.227.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	34.568.169.073	76.653.509.042	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Lợi nhuận được chia	11.529.995.357	34.967.674.962	
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Lãi vay	6.654.971.231	551.616.708	
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	5.818.027.378	5.895.764.638	
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu Liên hợp Luyện cán Thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	923.312.250	923.312.250	
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Lãi vay	335.342.389	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Chi hộ	118.970.000	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	13.000.000	10.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chi hộ	13.000.000	10.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Lãi vay	-	164.900.884	
			458.001.388.370	639.008.129.274	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>VND</i>				
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng	336.200.056.889	200.641.334.445
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Mua hàng	137.214.608.808	53.560.995.083
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Mua hàng	61.292.574.787	56.166.912.937
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Mua hàng	36.513.309.235	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	15.599.670.164	14.226.066.980
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch	Mua hàng	4.264.268.660	54.215.530.025
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu Tư Hoa Sen Nghệ An	Bên liên quan	Mua hàng	52.819.936	427.095.341
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	-	2.000.000.000
			591.137.308.479	381.237.934.811
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Trả trước	85.962.064.553	78.751.807.428
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch	Trả trước	7.646.976.355	145.963.739.883
			93.609.040.908	224.715.547.311
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Hoa sen Quy Nhơn	Công ty liên kết	Thu nhập lãi vay	1.256.027.397	-
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại tiền mua đất	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Thu hộ	319.600.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Chi hộ	191.558.095	16.800.000
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long	Công ty liên kết	Góp vốn	-	24.700.000.000
			2.767.185.492	25.716.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

28. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	16.987.072.159	15.910.226.680
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	-	14.580.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	2.270.000.000	2.000.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	-	26.810.000.000
TỔNG CỘNG	19.257.072.159	59.300.226.680

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	120.530.357.667	102.622.704.600
Từ 1 tới 5 năm	432.335.802.440	360.182.972.527
Trên 5 năm	449.691.597.286	247.322.009.333
TỔNG CỘNG	1.002.557.757.393	710.127.686.460

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Dưới 1 năm	909.600.000	155.269.354.547
Từ 1 tới 5 năm	2.529.300.000	616.331.681.818
Trên 5 năm	-	341.516.000.000
TỔNG CỘNG	3.438.900.000	1.113.117.036.365

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2018, Công ty có khoản cam kết trị giá 12.968.628.192 VND (Ngày 30 tháng 9 năm 2017: 35.525.754.918 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018

29. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết góp vốn

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty có các cam kết góp vốn vào công ty con và công ty liên kết nhưng chưa được góp đủ vốn được trình bày như sau:

	Cam kết góp vốn		Thực góp
	Giá trị	% sở hữu	Giá trị
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	20.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Xi măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	30.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	4.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	3.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100.000.000.000	100%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45.000.000.000	45%	27.900.000.000
TỔNG CỘNG	295.000.000.000		50.400.000.000

30. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài số liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính riêng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính riêng năm nay.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 12 năm 2018